TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:74/2023/DS-ST Ngày:05-4-2023 V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Phó

Ông Phạm Thành Trại

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư, Thư ký Tòa án-Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Nhân-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: 2 N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh T. (Theo giấy ủy quyền ngày 27/12/2021)

Địa chỉ: Số F Đ, Phường B, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quốc C– Chức vụ: Trưởng phòng G1 – Chi nhánh T (Theo giấy ủy quyền ngày 10/6/2022) (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh H**,** sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/05/2020, anh Phạm Minh H có ký kết với Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của anh Phạm Minh H, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho anh Phạm Minh H thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (ngày 22/12/2021), anh Phạm Minh H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 58.810.000 đồng, tiền lãi là 10.539.966 đồng, tiền phí là 2.387.513 đồng, tính đến ngày 22/12/2021 anh Phạm Minh H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 48.364.000 đồng (Trong đó: tiền vốn là 38.276.266 đồng, tiền lãi và phí là 10.087.774 đồng), kể từ đó đến nay, anh Phạm Minh H ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện cho anh H thanh toán khoản vay tín dụng nhưng anh Phạm Minh H vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do anh Phạm Minh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 22/12/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Từ ngày toàn bộ dư nợ được chuyển sang nợ quá hạn (ngày 22/12/2021), tiền lãi quá hạn được tính trên số dư nợ đã chuyển (tạm tính đến ngày 22/12/2021) là 23.373.479 đồng. Lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc anh Phạm Minh H phải trả cho Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh T số tiền vốn và lãi quá hạn đến ngày xét xử (tạm tính đến ngày 16/12/2022 là 34.282.053 đồng; Trong đó: Tiền vốn là 23.373.479 đồng; tiền lãi quá hạn là 10.908.574đồng), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày Tòa án xét xử tính lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Bị đơn: dù đã được Tòa án niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bà N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Phạm Minh H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy

định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên bị đơn chưa thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S

Buộc anh Phạm Minh H phải trả cho Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh T số tiền vốn và lãi quá hạn đến ngày xét xử là 37.624.513 đồng; Trong đó: Tiền vốn là 23.373.479 đồng; tiền lãi quá hạn là 14.251.034 đồng), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày Tòa án xét xử, nếu anh H chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi theo các Hợp đồng tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Phạm Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do chính đáng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần S- Chi nhánh T khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Phạm Minh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Minh H có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Theo quy định tại các Điều 70, 91 Bộ luật tố tụng dân sự các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn cố tình vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ được coi là đã từ bỏ quyền chứng minh chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ để giải quyết vụ án.

Ngày 04/05/2020, anh Phạm Minh H có ký kết với Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của anh Phạm Minh H, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho anh

Phạm Minh H thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng thì "*lãi suất trong hạn là 31,20%/năm*" tức 2,6%/tháng.

Theo các Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ 15/8/2019. Tại mục 1.24 "*Lãi suất gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn*".

Theo bản tóm tắt sao kê ngày 05/4/2023 thì anh còn nợ Ngân hàng là: 37.624.513 đồng. Trong đó, vốn 23.373.479 đồng, lãi quá hạn 14.251.034 đồng.

Xét, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hình thức và nội dung của các hợp đồng tín dụng là phù hợp các quy định của Bộ luật dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng, các chủ thể tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ tư cách chủ thể, mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, các hợp đồng này có hiệu lực thi hành. Anh H đã ký tên ký tên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, đồng ý các Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ 15/8/2019 và bản tóm tắt sao kê hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng thể hiện sau khi ký kết hợp đồng thì anh H đã nhận đủ tiền vay theo Hợp đồng tín dụng. Từ đó, có đủ cơ sở xác định anh Phạm Minh H có vay của Ngân hàng các khoản tiền như phía nguyên đơn trình bày. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở được Tòa án chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần S (S1)-Chi nhánh Tiền Giang

1. Buộc anh Phạm Minh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần S (S1)-Chi nhánh T tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 05/4/2023 là 37.624.513 đồng. Trong đó, vốn 23.373.479 đồng, lãi quá hạn 14.251.034 đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/4/2023, nếu anh H chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) của Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí:

Anh Phạm Minh H chịu 1.881.000 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 713.500 đồng (Bảy trăm mười ba nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020997 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hồng Quyên